

# VĂN HOÁ BIỂN TIỀN SỬ CAM RANH (KHÁNH HOÀ)

NGUYỄN KHẮC SỬ\*

## 1. Cam Ranh - Địa văn hoá biển

Cam Ranh nằm ở phía nam tỉnh Khánh Hoà và cũng là cực nam Trung Bộ. Nơi đây núi tiến ra sát biển, nên đồng bằng bị thu hẹp. Đằng sau những cồn cát trắng là những cánh đồng phù sa có các sông nhỏ chảy qua. Phía tây được chắn bởi các khối núi cao trên 1.000m, nhiều nhánh ngang đâm ra biển ôm lấy đồng bằng nhỏ hẹp, tạo nên vịnh biển giàu tiềm năng kinh tế và quân sự của cả nước. Cam Ranh là hình ảnh thu nhỏ của Khánh Hoà, nơi mà cố Giáo sư Trần Quốc Vượng đã xác nhận **Núi - Rừng - Biển - Đảo** là những hệ sinh thái tự nhiên - nhân văn lớn của tỉnh này (Trần Quốc Vượng 2003: 23).

Nằm ở vùng khô hạn với lượng mưa dưới 1000mm, độ ẩm trung bình 80%, mây ít, nắng nhiều, Cam Ranh hoàn toàn không có mùa đông lạnh, còn bão thường đến muộn. Cũng như Nha Trang, Cam Ranh là một trung tâm du lịch biển lớn của đất nước.

Giữa thế kỷ XVII, vùng đất Cam Ranh bây giờ chính thức trở thành một phần của lãnh thổ Đại Việt. Năm 1653, vùng đất này thuộc huyện Vĩnh Xương, phủ Diên Ninh. Năm 1690, Diên Ninh đổi thành phủ Diên Khánh. Năm 1832, tỉnh Khánh Hoà chính thức được thành lập. Lần đầu tiên hai chữ Cam Ranh xuất hiện với tư cách là một đơn vị hành chính - tổng Cam Ranh. Tổng Cam Ranh có 7 làng, với số đinh là 321 người. Từ đó, có lúc Cam Ranh là tổng, là huyện, là thị xã; lúc nhập vào, lúc tách ra qua nhiều lần thay đổi tên gọi và cương vực.

Tháng 10 - 1956, thị xã Cam Ranh được thành lập, gồm một số xã của quận Cam Lâm là Cam Ranh, Cam Bình, Suối Hải, Suối Vịnh, Cam Linh, Cam Phúc, Cam Lộc và Hòn Rồng thuộc ấp Văn Thủy Hai, xã Cam Phú.

Tháng 2 - 1976, Khánh Hoà và Phú Yên sát nhập thành tỉnh Phú Khánh. Cam Ranh là đơn vị cấp huyện. Năm sau, nhập chung với Khánh Sơn thành huyện Cam Ranh. Tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội

---

\* PGS.TS Nguyễn Khắc Sử, Viện Khảo cổ học

khóa VIII, chia tỉnh Phú Khánh thành 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà. Cam Ranh là một huyện thuộc tỉnh Khánh Hoà. Ngày 7-7-2000, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định thành lập thị xã Cam Ranh với diện tích tự nhiên là 690km<sup>2</sup>, dân số 205.703 người (tính đến 31-12-2001), gồm 9 phường và 18 xã. Các phường nội thị là Ba Ngòi, Cam Lộc, Cam Lợi, Cam Linh, Cam Thuận, Cam Phú, Cam Phúc Nam, Cam Phúc Bắc, Cam Nghĩa. Các xã ngoại thị là Cam Tân, Sơn Tân, Cam Hoà, Cam Hải Đông, Cam Hải Tây, Cam Hiệp Bắc, Cam Hiệp Nam, Cam An Bắc, Cam An Nam, Cam Thành Bắc, Cam Thành Nam, Cam Phước Đông, Cam Phước Tây, Cam Thịnh Đông, Cam Thịnh Tây, Cam Đức, Cam Bình và Cam Lập (Địa chí Khánh Hoà 2003: 81).

## 2. Những phát hiện khảo cổ học

Cam Ranh không chỉ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quân sự, mà còn là địa bàn nghiên cứu hấp dẫn của nhiều ngành khoa học, trong đó có khảo cổ học.

Trước năm 1975, khảo cổ học Cam Ranh nói riêng, Khánh Hoà nói chung vẫn ngủ yên trong sự quên lãng. Có chăng chỉ là những thu thập lẻ tẻ của người Pháp. Năm 1925, H.Mansuy có nhắc đến 2 nông cụ lao động (outils aratoires) bằng đá tìm thấy ở Bích Đầm, đảo Hòn Tre, thuộc hậu kỳ đá mới (Mansuy 1925:18). Khi công bố về những mộ chum ở Hàng Gòn (Đồng Nai), E.Saurin so sánh một số rìu và găm ở đây với di vật cùng loại ở gần nhà thờ Mỹ Ca, Cam Ranh (Saurin 1973: 352). Đó là tất cả những gì mà chúng ta biết được

về tiền sơ sử Cam Ranh, Khánh Hoà trước năm 1975.

Tháng 4-1975, Cam Ranh hoàn toàn giải phóng. Khảo cổ học nơi đây đã sang trang mới. Những bí mật về văn hoá tiền sử nơi đây bắt đầu được đánh thức, bởi một loạt các cuộc điều tra và khai quật của các nhà khảo cổ học.

Trước tiên các nhà nghiên cứu quan tâm đến những công cụ đá ở đảo Hòn Tre. Những di vật ấy được xác định là nông cụ làm đất của cư dân thời đại kim khí, cách nay khoảng 2.500 năm (Nguyễn Khắc Sử 1976: 61). Đợt điền dã khảo cổ học đầu tiên ở tỉnh Khánh Hoà là thị xã Cam Ranh. Các nhà khảo cổ thăm lại di chỉ Mỹ Ca, phát hiện mới di chỉ Xóm Cồn (phường Cam Linh) và xác nhận di chỉ này thuộc văn hoá Sa Huỳnh. Các lần khảo sát sau đó, còn tìm thấy ở đây một lớp văn hoá cổ hơn Sa Huỳnh, trước Sa Huỳnh. Di chỉ Xóm Cồn được khai quật lần đầu vào cuối năm 1980, cho thấy đây là di chỉ cư trú của cư dân làm nông, sử dụng rìu hình tứ giác bằng đá, chưa xuất hiện kim loại; niên đại dự đoán vào khoảng 2.000 năm trước CN (Vũ Quốc Hiền 1996).

Một cuộc điều tra khảo cổ học với quy mô lớn được tiến hành trên đất Khánh Hoà vào năm 1987. Riêng ở Cam Ranh đã phát hiện mới 2 di chỉ là Bình Ba và Bình Hưng; có niên đại tương đương với Xóm Cồn. Năm 1990, di chỉ Bình Ba được đào thám sát 4m<sup>2</sup>, còn Bình Hưng được khai quật 50m<sup>2</sup>. Tại Bình Ba đã phát hiện 1 mộ, chôn theo đồ gốm, hạt chuỗi bằng đá và khuyên tai bằng vỏ ốc. Di cốt người Bình Ba thuộc loại hình *Mongolo - Australoid*, trong đó yếu tố vàng đậm hơn

(Nguyễn Kim Thuỷ 1993: 119). Tại Bình Hưng thu được rìu tứ giác bằng đá, công cụ vỏ nhuyễn thể, đồ xương và đồ gốm (Quang Văn Cây 1991:32).

Năm 1992, di chỉ Xóm Cồn được khai quật lần thứ hai, với diện tích 90m<sup>2</sup>. Di chỉ có 1 tầng văn hoá, dày 1,2m; thu được 68 công cụ đá, 14 mũi nhọn xương, 5 hòn ghè bằng vỏ sò, 8 công cụ bằng vảy ốc, 2 mảnh vòng đá, một số khuyên tai và lõi vòng. Đồ gốm có trên 33.000 mảnh, chủ yếu là gốm thô, chế tạo nặn tay, bàn đập hòn kê hoặc giải cuộn; chài miết láng và bôi nhựa thực vật trên mặt gốm. Thực vật cổ nơi đây thuộc loại ngập mặn, chủ yếu là cây họ đậu, niên đại Holocene giữa (Trần Đình Nhân 1993: 120); động vật có trai biển, ốc biển, cá, rùa, hươu, nai, lợn, trâu, bò rừng, cheo cheo, tê giác và bò nhà (*Bos dom*) (Vũ Thế long 1993: 103).

Tháng 4 - 1999, di chỉ Hoà Diêm (Cam Thịnh Đông) được khai quật lần thứ nhất với diện tích 50m<sup>2</sup>; tìm thấy 6 dọi xe sợi làm từ xương, 7 vòng tay làm từ vỏ ốc *tridacna*, 1 vòng tay bằng gốm, 20 mảnh lõi vòng từ vỏ ốc; trên 30.000 mảnh gốm. Hoà Diêm là di chỉ cư trú, thuộc văn hoá Sa Huỳnh (Nguyễn Công Bằng 1999: 724). Hai năm sau, cán bộ Viện Khảo cổ học trở lại thám sát di chỉ Hoà Diêm với diện tích 8m<sup>2</sup>. Trong đó hố 1 và 2 có vết tích cư trú, còn hố 3 có vết tích mộ táng. Những di tích cư trú có tuổi cổ hơn mộ táng, thuộc phạm trù thời đại kim khí, một nhịp cầu nối văn hoá Xóm Cồn với văn hoá Sa Huỳnh ở Cam Ranh (Nguyễn Khắc Sử, Nguyễn Công Bằng 2003: 13).

Cuối năm 2002, di chỉ Hoà Diêm được khai quật lần thứ hai với diện tích hơn

100m<sup>2</sup>, thu được 94 đồ đá (rìu tứ giác phác vật rìu, chày, hòn ghè, hòn nghiền bàn mài); 3 mũi nhọn xương mài, 5 mảnh vòng bằng vỏ nhuyễn thể; hơn 3 vạn mảnh gốm. Hố khai quật là khu mộ với 10 mộ huyết đất và 16 mộ chum. Đồ tùy táng có đồ đá như rìu, bàn mài, bàn nghiền; đồ sắt như rìu, đục, búa, dao; đồ đồng có lục lạc đồng; vòng tay xương; hạt chuỗi thủy tinh hoặc vàng, đồ gốm có bát bồng, nồi, vò nhỏ (đều bị đập vỡ). Trong hố khai quật còn tìm thấy xương lợn, trâu, bò; đốt sống cá, nhiều nhất là vỏ sò, ốc biển (Nguyễn Đăng Cường 2004: 64). Có ý kiến cho rằng cư dân Hoà Diêm là phát triển lên từ Xóm Cồn, có đặc điểm gần với Giồng Phệt (Đông Nam Bộ), một vùng đệm giữa 2 trung tâm văn hoá lớn là Đồng Nai và Sa Huỳnh (Nguyễn Công Bằng 2005: 53).

Tháng 6 - 2006, di chỉ Văn Tứ Đông (xã Cam Hoà) được khai quật 75m<sup>2</sup>; thu được 4 bếp, 151 hiện vật đá (54 rìu, 10 mảnh rìu, 47 bàn mài, 17 hòn kê - đập, 13 mảnh vòng, 2 tinh thể thạch anh, 8 phác vật vòng), 84 hiện vật xương, 26 hiện vật gốm (3 vòng, 17 gốm ghè tròn và 6 nồi gốm) và hơn 2 vạn mảnh gốm. Đây là di tích cồn sò điệp hay "đống rác bếp" (kjokkenmodding); sử dụng phổ biến rìu hình bầu dục, đồ xương chiếm tỉ lệ cao, đa số là mũi nhọn hoặc mũi nhọn có ngạnh. Đồ gốm chủ yếu là gốm thô, văn chải, hiếm văn khắc vạch và văn in ấn; xuất hiện gốm trang trí hoa văn hai mặt - văn chải mặt trong, văn in ấn mặt ngoài; niên đại dự đoán vào khoảng 3.500 - 3.000 năm cách ngày nay (BP) (Trần Quý Thịnh và nnk, 2006). Trong thời gian khai quật, các nhà khảo cổ còn phát hiện ở Cam Ranh di chỉ

tiền sử Cù Hin, một làng cổ và khu lò gốm cổ của người Chăm.

### 3. Tiền sử Cam Ranh nét phác thảo

Trên cơ sở tư liệu khảo cổ học, bước đầu có thể phác thảo những nét cơ bản bức tranh văn hoá tiền sử vịnh Cam Ranh.

Diễn trình phát triển văn hoá tiền sử Cam Ranh gắn liền với sự dao động mức nước biển. Năm 1962, nghiên cứu các mẫu trầm tích ở trạm 60.237 ngoài khơi, E.Saurin đã xác nhận có một đường bờ biển cổ nằm ở độ sâu 100m trên đảo Hòn Lớn, có thể là đường bờ trước biển tiến (Saurin 1962). Như vậy, lúc đó, vịnh Cam Ranh còn là một dải đồng bằng hẹp, vươn xa ngoài khơi thời bấy giờ.

Vào 17.000 - 18.000 năm BP, băng tan, mực nước biển dâng và tràn vào lục địa, làm chìm ngập các đồng bằng thấp, tạo đường bờ hình răng cưa, xen kẽ giữa các mũi nhô và các vụng vịnh dạng phễu. Vào thời điểm này, ở Việt Nam là thời kỳ mưa nhiều, tồn tại kỹ nghệ Ngườm và văn hoá Sơn Vi niên đại hậu kỳ đá cũ. Còn trên đất Khánh Hoà đến nay vẫn chưa phát hiện một di chỉ nào có tuổi trước 5.000 năm. Trong thời điểm này, vịnh Cam Ranh tiếp tục hình thành từ nguồn lưu chuyển và nguồn sinh vật. Vật liệu cung cấp cho phần trong của vịnh chủ yếu do các sông mang đến, còn vật liệu lưu chuyển của phần ngoài chủ yếu do sự mài mòn của sóng tạo ra, đặc biệt là sự mài mòn của các dạng san hô chết. Và, đây cũng chính là nguyên nhân tạo nên hàm lượng cacbonat cao trong trầm tích vùng biển Cam Ranh (Phạm Ngọc Thơm và nnk 1979:123).

Mực nước biển đạt cực đại vào khoảng 4.500 năm BP và dừng lại ở đó một thời gian. Những vết tích tích tụ và mài mòn ở độ cao 4m còn thấy ở Hoà Tân, Ba Ngòi (vịnh Cam Ranh) hoặc Hòn Tâm, Hòn Miếu, Hòn Lớn và Hòn Mun (vịnh Nha Trang), hòn Lớn (vịnh Vân Phong). Như đã biết, phần lớn bề mặt châu thổ Cam Ranh cao 5 - 6m, do vậy, vào thời điểm 4.500 năm BP, chúng vẫn còn chìm trong nước biển; con người chưa thể tới định cư. Và chỉ sau 4.500 năm BP, khi nước biển bắt đầu rút, con người mới đến cư trú ở vịnh biển này.

Biển lùi cho đến 2.000 năm BP thì dừng lại ở mức nước như ngày nay. Đồng bằng ven biển Cam Ranh lộ dần; phân lục địa ven bờ có tính phân bậc rõ ràng. Các bề mặt dưới 100m chủ yếu là đồng bằng tích tụ nguồn gốc aluvi. Những mũi đá macma và biến chất (granit, rhyolit, microgranit, andezit, ghai...) đâm ra biển theo hướng tây bắc - đông nam, tạo thành các vũng vịnh nước sâu, có nơi sâu tới 40 - 50m (Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Tiết 1981: 155).

Khi mực nước cơ sở hạ thấp, thì lục xâm thực của hệ thống sông suối ven bờ tăng lên; tốc độ mài mòn giảm, các thềm mài mòn nâng lên, các tích tụ thu hẹp dần lại; các ám tiêu san hô vốn phát triển khi biển tiến, nay bị chết. Biển lùi, nhiệt độ tăng lên, ảnh hưởng môi trường sống của con người và động vật. Chỉ sau 4.000 năm BP, những cư dân đầu tiên mới bắt đầu khai phá vùng biển Cam Ranh.

Cho đến nay đã phát hiện 6 di chỉ khảo cổ học tiền sử ở Cam Ranh là Xóm Cồn, Hoà Diêm, Bình Ba, Bình Hưng, Văn Tú

Đông và Cù Hin. Đây là vùng hội tụ cao nhất các di tích tiền sử ở vùng ven biển Nam Trung Bộ.

**3.1. Dấu ấn văn hoá cổ nhất** hiện biết ở Cam Ranh là di chỉ Văn Tứ Đông, niên đại khoảng 4.000 - 3.500 năm cách ngày nay. Cư dân cổ nơi đây định cư trên một gò đất cao, ven bờ biển, gần khe nước ngọt; triển khai săn bắt, hái lượm, đánh bắt cá và khai thác các loài nhuyễn thể biển. Những phế thải sau bữa ăn chủ yếu là vỏ nhuyễn thể biển, chất thành cồn, tạo nên đồng rác bếp (kjoekenmodding). Di chỉ rộng gần 2.500m<sup>2</sup>. Diện tích khai quật 75m<sup>2</sup>, đã tìm thấy 4 bếp, mỗi bếp là một đơn vị hộ gia đình. Có thể làng này tương đối đông người.

Kết quả giám định di cốt động vật và các loài nhuyễn thể cho thấy, cư dân Văn Tứ Đông đã khai thác nhiều loài nhuyễn thể biển, đánh bắt cá, cua, rùa và săn bắt các động vật trên cạn. Điều này phản ánh hoạt động kinh tế khai thác theo phổ rộng của cư dân cổ Văn Tứ Đông (Nguyễn Khắc Sửu, Bùi Quang Nghị, 2006).

Cư dân tiền sử Văn Tứ Đông tiếp cận và khai thác các loài hai mảnh vỏ trong môi trường biển khác nhau. Có loài sống trong điều kiện mực nước nông, các đầm phá, các vùng cửa sông, nằm vùi nông dưới đáy bùn cát; lại có loài sống trong các bãi triều dưới mực nước sâu chục hoặc vài chục mét, sống trong điều kiện nước trong, trên các rạn đá, đôi khi lại bám trên vỏ các loài sinh vật khác. Do vậy, con người thời này phải có các phương thức khai thác khác nhau. Mục tiêu khai thác các loài nhuyễn thể biển là để làm thực phẩm, nuôi sống người. Do chỗ các loài

nhuyễn thể này có cấu tạo khác nhau hàm lượng đạm khác nhau, cho nên ngư xưa hẳn phải có các phương thức chế biến chúng thành các món ăn khác nhau.

Các vỏ nhuyễn thể chất thành cồn. Trong cồn này có nhiều loài, mỗi loài li sống ở các độ nông, sâu khác nhau, điều kiện môi trường không giống nhau. Điều này cho thấy, cổ môi trường lúc bấy giờ 1 phong phú và đa dạng, nhưng tương đối ổn định trong một thời dài, ít bị ô nhiễm. Kỹ thuật khai thác biển qua tổ hợp công cụ lao động bằng đá còn lại ở di chỉ chỉ thấy chúng rất thô sơ, nhưng hiệu quả mà con người đạt được lại rất cao. Điều này phản ánh tính thích linh hoạt của con người trong môi trường biển.

Dẫn ra một vài tư liệu như vậy để thấy rằng, cổ môi trường biển xưa rất phong phú, đa dạng. Trình độ và hiệu quả khai thác nguồn lợi từ biển của cư dân tiền sử Cam Ranh khá cao. Còn nay, môi trường ấy đã thay đổi, khối lượng nhuyễn thể biển ở Cam Ranh không nhiều như xưa; hàm lượng muối dinh dưỡng trong nước biển không cao, các yếu tố gây nhiễm bẩn chực vịnh do hàm lượng kim loại nặng như kẽm đồng và hydrocarbon đều cao hơn mức cho phép. Chỉ số Permanganat ở khu vực vịnh khá cao, nhất là các tháng khô nóng, đã gây ảnh hưởng xấu đến nuôi trồng thủy sản (Phạm Văn Thơm 1998: 65).

Người cổ Văn Tứ Đông sử dụng phổ biến đá basalte biến tính để chế tác rìu bầu dục, sử dụng đá phiến (schiste) làm vòng đeo tai, đeo tay; sử dụng đất nung làm khuyên tai, tuyệt nhiên không sử dụng công cụ và đồ trang sức bằng vỏ nhuyễn thể như Xóm Cồn sau này. Người

cổ Văn Tứ Đông ưa chế tạo và sử dụng mũi nhọn xương động vật, làm ra loại mũi nhọn có ngành yếm nhiều vết khắc ngang trên thân (có thể là dấu sở hữu công cụ). Loại di vật này có thể sử dụng làm suốt đan lưới như dân chài ven biển hiện vẫn sử dụng. Lưới vó thời này hẳn đã xuất hiện, bởi có nhiều dọi xe sợi và suốt đan lưới vó tìm thấy ở đây. Trong di chỉ còn tìm thấy nhiều xương cá, có thể đó là kết quả của hoạt động chài lưới. Cư dân ở đây đã biết trồng và khai thác cây cho sợi, sử dụng sợi làm dây câu, làm lưới vó, quấn vào thanh gỗ làm bàn đập in văn dấu thừng trên mặt phôi gốm; sợi còn được dùng dệt vải may quần áo. Người cổ Văn Tứ Đông nhào đất sét nặn ra nồi, bát, đĩa, bình, vò... Họ sử dụng hòn đập hòn kê tạo phôi gốm, trang trí văn thừng, văn chải, đôi khi khắc vạch, in ấn.

Ngay từ giai đoạn sớm, người cổ Cam Ranh đã định cư ven biển, khai thác hải sản ven bờ, săn bắt động vật trên cạn; hái lượm các loài thảo mộc xung quanh. Họ biết dựng nhà để ở, biết làm thuyền mảng ra lộng vào khơi, biết đan lưới, dệt vải và canh tác nông nghiệp. Những lớp cư dân sớm này có quan hệ chặt chẽ với các nhóm cư dân tiền sử Việt Nam, trước hết là nhóm cư dân ven biển.

Những chiếc riu hình bầu dục đặc trưng cho Văn Tứ Đông giống hệt di vật cùng loại tìm thấy ở Quất Đông Nam (Quảng Ninh) (Nguyễn Khắc Sử 2005: 592). Những người cổ nơi đây trang trí hoa văn trên đồ gốm ở cả hai mặt: mặt trong văn chải, mặt ngoài văn in ấn mai rùa hoặc văn thừng, giống như thuật trang trí đồ gốm của cư dân công sò điệp

văn hoá Quỳnh Văn (Nghệ Tĩnh) (Nguyễn Trung Chiến 1998: 81). Cư dân Văn Tứ Đông còn nặn đất làm khuyên tai như đã gặp trong cư dân văn hoá Hoa Lộc (Thanh Hoá) (Phạm Văn Đẩu 1999: 8).

**3.2. Giai đoạn tiếp sau Văn Tứ Đông**, trên vịnh Cam Ranh là các làng cổ Xóm Cồn, Bình Ba, Bình Hưng và Cù Hin, niên đại 3.500 - 2.500 năm BP.

Nước biển tiếp tục rút, bờ biển mở rộng dần, cư dân tiền sử bắt đầu vươn ra chiếm lĩnh vùng đất mới. Người Xóm Cồn và Cù Hin chiếm cư các bãi bồi ven biển, còn người Bình Đa và Bình Hưng vượt biển chiếm các đảo gần bờ. Những cư dân thời này tiến hành trồng trọt và chăn nuôi, duy trì săn bắt, hái lượm các động vật, thực vật trên cạn và dưới biển. Họ không dùng loại riu đá hình bầu dục như giai đoạn trước, mà dùng riu hình tứ giác hoặc riu đốc thu hẹp bằng đá; công cụ chặt và nạo bằng vỏ ốc *Tridacna*, vẩy ốc  *Turbo*, vẫn sử dụng nhiều các mũi nhọn xương, nhưng nảy sinh xương chế tạo đồ trang sức bằng vỏ ốc biển. Người giai đoạn Xóm Cồn vẫn dùng nồi gốm, bát gốm, bình và vò gốm như giai đoạn trước, song đã xuất hiện bát vai gãy, miệng thấp nghiêng vào trong, trên mặt gốm trang trí văn chải, văn in, đắp nổi và gốm màu (Nguyễn Công Bằng và nnk 1993:77).

Đến giai đoạn này, con người không còn găm mình trong các bãi biển cũ, mà vươn tới bãi Xóm Cồn, bãi Cù Hin, rồi vượt biển chiếm cư các đảo Bình Hưng và Bình Ba. Nước biển rút, môi trường biển thay đổi, môi trường sống của hải sản cũng thay đổi, kéo theo hệ quả khai thác biển của cư dân tiền sử cũng thay đổi.

Người ta không còn thấy trong tầng văn hoá di chỉ Xóm Cồn, Bình Hưng và Bình Ba chất đầy vỏ nhuyễn thể biển như giai đoạn trước nữa, mà thay vào đó là những cụm vỏ sò điệp mỏng, những thấu kính vỏ nhuyễn thể ngắn trong địa tầng mà thôi. Nhưng bù lại, việc săn bắt động vật trên cạn ở có hiệu quả hơn; việc khai thác biển mang tính định hướng vào một số loài ốc biển có vỏ rất dày như *Tridacna*, *Tubo*, ốc cối... Những vỏ ốc ấy cung cấp nguyên liệu cho công xưởng chế tạo đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai hoạt động. Với sự xuất hiện của công xưởng, một quá trình phân công lao động trong cộng đồng cư dân đã diễn ra: có những người chuyên đi bắt các loại ốc *Tridacna*, *Tubo*; có người chuyên ghè đục, khoan tách lõi vòng vỏ ốc, có người chuyên mài nhẵn, đánh bóng, để rồi có những người đem sản phẩm ấy ra thị trường trao đổi.

Đến giai đoạn này, bộ công cụ lao động cũng biến đổi, không còn giống với giai đoạn trước nữa. Nếu như ở giai đoạn trước, rìu đá rìu hình bầu dục chiếm chủ đạo, thì đến giai đoạn này rìu đá rất ít và loại hình chính là rìu hình tứ giác, đốc thu nhỏ. Cả hai đều duy trì công cụ mũi nhọn xương có ngạnh, yếu tố truyền thống của ngư dân đánh bắt cá.

Những công cụ lao động bằng đá, bằng vỏ ốc biển và đồ gốm ở các địa điểm trên đảo và đất liền khá giống nhau. Để có điều ấy, phương tiện giao thông bằng bè, mảng trên biển cũng ra đời. Với cư dân đánh bắt cá trên biển, bè mảng là phương tiện không thể thiếu được. Có lẽ nhờ phương tiện giao thông được xác lập, nên cả một vùng biển rộng lớn từ Xóm Ốc, Giồng Đồn

(Phú Yên) vào tới Cam Ranh (Khánh Hoi) có một loạt di tích khảo cổ cùng có cùn một đặc trưng văn hoá khảo cổ - văn ho Xóm Cồn. Người ta đã gặp các chế phẩm công cụ và đồ trang sức bằng vỏ ốc *Tridacna*, *Tubo* như Xóm Cồn (Cam Ranh) ở hang Tabon (Philippines), quần đảo Ryukyu (Nhật Bản), Đài Loan, các đảo Thái Bình Dương như Maria, Yap, Plau.. (Vũ Quốc Hiền 1996:20). Những tư liệu này có thể gọi lên sự trao đổi văn hoá xa hơn nữa cũng bằng đường biển.

**2.3. Giai đoạn phát triển cao nhất trong tiền sử Cam Ranh** là Hoà Diêm. Di chỉ có diện tích rộng trên 3.000m<sup>2</sup>, được khai quật nhiều lần, có di tích và di vật phong phú, thực sự tiêu biểu cho một giai đoạn văn hoá tiền sử Cam Ranh.

Di tích Hoà Diêm ở vùng đồng bằng thấp, ven biển, có niên đại khoảng 2.500 - 2.000 năm BP. Đây cũng là thời điểm, mực nước biển lùi thấp nhất và dừng lại ở độ cao như hiện nay. Một đồng bằng ven biển vừa mới hình thành, cư dân Hoà Diêm bắt đầu chiếm lĩnh, khai khẩn thành các ruộng canh tác nông nghiệp.

Cư dân giai đoạn này bắt đầu tách biệt giữa nơi cư trú và mộ táng. Hồ khai quật năm 1999 chỉ thấy di tích cư trú và xưởng làm đồ trang sức bằng vỏ ốc, không thấy mộ. Nhưng trong hồ khai quật cuối năm 2002 với diện tích 100m<sup>2</sup> đã phát hiện 26 cụm mộ. Rõ ràng, sự phân chia khu cư trú và khu mộ táng là một tiến bộ lớn trong nhận thức và thực tiễn của cư dân nguyên thủy ở Cam Ranh.

Di chỉ Hoà Diêm, rìu đá ít và mang đặc điểm rìu Xóm Cồn. Đây là yếu tố truyền

thống mà cư dân Hoà Diêm còn giữ lại, song kỹ thuật chế tạo rìu đá ở giai đoạn này kém hơn các giai đoạn trước. Có thể cư dân giai đoạn này tập trung vào đồ đồ đồng và đồ sắt, mà ít quan tâm đến đồ đá. Đây cũng là một sự thay đổi mang tính cách tân trong tư duy của người cổ Cam Ranh.

Người cổ Hoà Diêm có nhiều kiểu táng thức như mộ huyết đất (tức chôn người trực tiếp vào đất), có mộ hung táng (chôn lần đầu), có mộ cải táng, mộ hoả táng. Bên cạnh mộ huyết đất là mộ nổi vò úp nhau, mộ chum. Trong mộ chum lại có mộ một chum, mộ hai hoặc nhiều chum đứng cạnh nhau. Chum mộ ở đây đa số hình cầu, miệng loe rộng, vai phình, bụng nở, đáy hình chảo; kích thước chum mộ nhỏ. Đặc điểm này là gần với chum mộ Suối Chôn (Đồng Nai) và khác với chum mộ hình trụ, hình trứng lớn ở Sa Huỳnh.

Người cổ Hoà Diêm đặc biệt chú ý đến đồ tùy táng. Ngoài nổi gốm bị đập vỡ, ở đây có rìu, bàn mài, chày lưới, viên cuội, đồ trang sức bằng đá; rìu, lục lạc đồng; rìu, đục, búa, dao sắt; vòng tay xương và hạt chuỗi thuỷ tinh. Điều đáng nói là, rìu đồng ở đây giống rìu đồng Dốc Chùa (Bình Dương), còn đồ sắt khá gần với đồ sắt văn hoá Sa Huỳnh (Quảng Ngãi). Những vết tích văn hoá Hoà Diêm thể hiện yếu tố vùng đệm giữa 2 trung tâm văn hoá sơ kỳ thời đại đồ sắt là văn hoá Sa Huỳnh và văn hoá lưu vực sông Đồng Nai (Nguyễn Công Bằng 2005: 53).

Theo giám định của Nguyễn Lâm Cường, ở Hoà Diêm đã tìm thấy 5 cá thể nam từ 30 đến 50 tuổi, 2 cá thể nữ từ 20 đến 25 tuổi, ít nhất 5 cá thể khác là trẻ em từ 4 đến 10 tuổi. Có 3 cá thể nhuộm răng

đen, 1 người cao 1,65m (Nguyễn Lâm Cường 2004:129). Từ số liệu này có thể nghĩ rằng, người Hoà Diêm có tuổi thọ khá cao (trên dưới 50 tuổi), nhưng vẫn còn nhiều người chết ở tuổi trung niên và thiếu niên. Người cổ Hoà Diêm có tục nhuộm răng đen. Chúng ta chưa biết đầy đủ những người cổ nơi đây thuộc chủng tộc nào, nhưng ở di cốt người ở địa điểm Bình Ba thuộc loại hình *Mongolo - Australoid*, trong đó đặc điểm vàng đậm hơn đen.

Văn hoá tiền sử Cam Ranh là một tiến trình chiếm lĩnh, khai phá và xác lập thể đứng của con người trên vùng biển và hải đảo cực nam Trung Bộ. Đó là quá trình áp thích ứng của con người với môi trường biển, nhất là sự giao động của mực nước biển, sự thay đổi của sản vật biển. Quá trình ấy còn gắn liền với sự tiến bộ về kỹ thuật chế tác công cụ lao động bằng đá, bằng đồng, bằng sắt; kỹ thuật chế tạo đồ gốm và đặc biệt là kỹ thuật chế tạo thuyền mảng và kỹ thuật khai thác nguồn lợi của biển. Khảo cổ học tiền sử Cam Ranh - một duyên cách mới trong bức tranh văn hoá biển tiền sử Việt Nam./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Địa chí Khánh Hoà 2003. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Mansuy 1925. *Note sur deux instrument en pierre polie provenant de l'île de Tre (Annam)*. MSGI, vol.XII, fasc.2, Hanoi, pp.18-19.
3. Nguyễn Công Bằng 1999. *Khai quật di chỉ Hoà Diêm: Kết quả và nhận thức mới về*



- tiền sơ sử Khánh Hoà. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1999* (NPHM... 1999), tr.724 - 725.
4. Nguyễn Công Bằng 2005. *Di tích Hoà Diêm Khánh Hoà nhìn từ văn hoá Đông Nai*. Trong *Khảo cổ học*, số 4 (136), tr. 48-54.
  5. Nguyễn Công Bằng, Trịnh Căn, Quang Văn Cây, Vũ Quốc Hiền, Phạm Văn Hoán, Ngô Thế Phong, 1993. *Văn hoá Xóm Cồn với tiền sử và sơ sử Khánh Hoà*. Nha Trang.
  6. Nguyễn Trung Chiến 1998. *Văn hoá Quỳnh Văn*. Nxb. KHXH, Hà Nội.
  7. Nguyễn Đăng Cường 2004. *Báo cáo kết quả khai quật di chỉ Hoà Diêm, xã Cam Thịnh Đông, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà*. Khóa luận tốt nghiệp cử nhân ngành Lịch sử, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học quốc gia Hà Nội.
  8. Nguyễn Lâm Cường 2004. *Kết quả nghiên cứu di cốt người cổ khai quật năm 2002 ở Hoà Diêm (Khánh Hoà)*. Trong NPHM... 2004, tr.124-129.
  9. Nguyễn Thanh Sơn, Nguyễn Tiết 1981. *Địa mạo tỉnh Phú Khánh*. Trong *Tuyển tập nghiên cứu biển*. Tập II, phần 2. Nha Trang 1981, tr.155-164.
  10. Nguyễn Khắc Sử 1976. *Riu, cuộc hay mai?* Trong *Khảo cổ học*, số 18, tr. 61-68.
  11. Nguyễn Khắc Sử, Nguyễn Công Bằng 2003. *Ghi chú về tiền sử Khánh hoà dưới ánh sáng của tài liệu mới*. Trong *Khảo cổ học*, số 5 (125), 3 - 15.
  12. Nguyễn Khắc Sử (chủ biên) 2005. *Khảo cổ học vùng duyên hải Đông Bắc Việt Nam*. Nxb. KHXH, Hà Nội.
  13. Nguyễn Khắc Sử, Bùi Quang Nghị 2006. *Kết quả giám định các loài nhuyễn thể biển trong di chỉ Văn Tứ Đông (Cam Ranh)*. Trong NPHM...2006.
  14. Nguyễn Kim Thủy 1993. *Một số đặc điểm răng người cổ Bình Đa*. Trong *Văn hoá Xóm Cồn với tiền sử và sơ sử Khánh Hoà*. Nha Trang, tr.119.
  15. Phạm Văn Đấu 1999. *Văn hoá Hoa Lộc*. Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
  16. Phạm Văn Thơm 1998. *Một số đặc điểm hoá môi trường vịnh Cam Ranh*. Trong *Tuyển tập nghiên cứu biển*. Tập VIII. Nha Trang, 1998, tr. 54-65.
  17. Phạm Ngọc Thơm, Trịnh Thế Hiếu, Nguyễn Hữu Sửu 1979. *Đặc điểm trầm tích của các vịnh Văn Phong - Bến Gỏi và Cam Ranh*. Trong *Tuyển tập nghiên cứu biển*. Tập I, phần 2. Nha Trang, 1979, tr. 115-126.
  18. Quang Văn Cây 1991. *Di chỉ Bình Hưng (Khánh Hoà) 1991*. Trong *Thông báo khoa học*, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, tr.32-33.
  19. Saurin, E. 1962. *Formations sous-marines au large des côtes du Sud Viet Nam*. Ann. Fac Sci. Sai Gon.
  20. Saurin 1973. *Le Champ de jarres à Hang Gon près de Xuan Loc (Sud Vietnam)*. BEFEO, vol 60, Paris, pp. 352.
  21. Trần Đình Nhân 1993. *Kết quả xác định mẫu bào tử phấn hoa ở di chỉ Xóm Cồn (Cam Ranh)*. Trong *Văn hoá Xóm Cồn với tiền sử và sơ sử Khánh Hoà*. Nha Trang, tr. 120.
  22. Trần Quốc Vượng 2003. *Khánh Hoà: Một cái nhìn địa văn hoá*. Trong *Diện mạo văn hoá Khánh Hoà*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
  23. Trần Quý Thịnh, Nguyễn Ngọc Quý, Lê Chí Hường, Nguyễn Tâm, Phan Hoàng Huy. *Khai quật di chỉ Văn Tứ Đông (Khánh Hoà)*. Trong NPHM...2006.
  24. Vũ Quốc Hiền 1996. *Văn hoá Xóm Cồn và vị trí của nó trong thời đại kim khí ven biển Miền Trung*. Tóm tắt *Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử*, Hà Nội.
  25. Vũ Thế Long 1993. *Di tích động vật ở di chỉ Xóm Cồn (Cam Ranh)*. Trong *Văn hoá Xóm Cồn với tiền sử và sơ sử Khánh Hoà*. Nha Trang, tr.103.